

Sở hữu trí tuệ Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế: CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

TS Khổng Văn Minh

Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ

Việc tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới tạo cơ hội thu hút đầu tư và chuyển giao công nghệ, giúp doanh nghiệp tiếp cận được công nghệ tiên tiến; sử dụng sở hữu trí tuệ (SHTT) như là công cụ để thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, khuyến khích hoạt động đổi mới sáng tạo (ĐMST)... Tuy nhiên, tiêu chuẩn bảo hộ cao trong các FTA thế hệ mới là xu hướng tất yếu đã đặt ra thách thức cho các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân Việt Nam. Bài viết phân tích những cơ hội và thách thức về SHTT mà các FTA tác động đến nước ta, trên cơ sở đó đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện chính sách nhằm thúc đẩy hoạt động ĐMST, khai thác tài sản trí tuệ (TSTT), đổi mới công nghệ...

Cơ hội và thách thức

CPTPP (tiền thân là Hiệp định TPP) chính thức được ký kết vào ngày 9/3/2018 tại Chile mà không có sự tham gia của Hoa Kỳ. Chuẩn mực quốc tế về SHTT trong CPTPP cao hơn các FTA trước đây nhưng thấp hơn TPP vì một số điều khoản về SHTT trong TPP đã tạm đình chỉ hoặc thay đổi, nhất là các điều khoản về SHTT ban đầu được đưa vào theo yêu cầu của Hoa Kỳ, như cách thức/phương pháp/quy trình sử dụng mới của một sản phẩm đã được biết; điều chỉnh thời hạn bằng sáng chế do sự chậm trễ của cơ quan cấp bằng sáng chế, điều chỉnh thời hạn bằng sáng chế cho sự cắt giảm không hợp lý; bảo hộ dữ liệu thử nghiệm hoặc dữ liệu bí mật khác; thời hạn bảo hộ quyền

tác giả và quyền liên quan... Việt Nam vẫn đang trong quá trình hội nhập quốc tế, trong tương lai, dù Hoa Kỳ có tham gia CPTPP hay không thì các chuẩn mực quốc tế về SHTT nêu trong TPP vẫn là các chuẩn mực mà các FTA trong tương lai hướng tới. Vì vậy, nhằm xây dựng hệ thống SHTT của Việt Nam theo hướng từ “phù hợp”, “đầy đủ” sang “hiệu quả”, trong bài viết này, chúng tôi phân tích cơ hội và thách thức của các chuẩn mực SHTT dựa trên nền tảng Hiệp định CPTPP và TPP (sau đây gọi là CPTPP/TPP).

Cơ hội

Thứ nhất, CPTPP/TPP tạo ra cơ hội lớn cho các cá nhân, doanh nghiệp Việt Nam được hưởng thành quả đầu tư cao cho hoạt động sáng tạo, đổi mới công

nghệ, kiểu dáng sản phẩm, bao bì, nhãn sản phẩm. Việc minh bạch hóa trên internet các quy định pháp luật, các thủ tục và quyết định hành chính có hiệu lực áp dụng chung liên quan đến bảo hộ và thực thi quyền SHTT; thông tin đã công bố về đơn đăng ký và văn bằng bảo hộ đối với quyền sở hữu công nghiệp (SHCN) và quyền đối với giống cây trồng sẽ giúp cá nhân, doanh nghiệp: i) Dễ dàng xác lập quyền SHTT và tiếp cận thông tin SHTT, khai thác thông tin SHTT và ii) Bảo vệ quyền SHTT, chống xâm phạm quyền SHTT được thực hiện minh bạch và nghiêm minh tại Việt Nam cũng như tại các nước thành viên CPTPP. Chủ thể quyền được tiếp cận thông tin khi quyền SHTT của họ bị xâm phạm

■ **Diễn đàn Khoa học - Công nghệ**

và được cơ quan có thẩm quyền chủ động thực thi, khi đó chủ thể quyền có thể thực hiện thủ tục tố tụng dân sự đối với hành vi xâm phạm để đòi bồi thường thiệt hại.

Thứ hai, tiêu chuẩn bảo hộ quyền SHTT cao trong CPTPP/TPP cũng tạo môi trường thu hút đầu tư và chuyển giao công nghệ, giúp doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận được công nghệ tiên tiến.

Thứ ba, các chuẩn mực SHTT mới trong CPTPP/TPP tạo cơ hội cho Nhà nước sử dụng SHTT như là công cụ để thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, khuyến khích hoạt động ĐMST.

Thứ tư, Việt Nam có cơ hội tiếp cận và hoàn thiện hệ thống pháp luật về SHTT, hoàn thiện các cơ quan xác lập quyền, cơ quan thực thi quyền SHTT, đặc biệt là các biện pháp cần thiết để bảo vệ sức khỏe và dinh dưỡng cộng đồng, tiếp cận thuốc và thúc đẩy tiếp cận thuốc của người dân, thúc đẩy các lợi ích công cộng trong các lĩnh vực có vai trò tối quan trọng đối với phát triển công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội.

Thách thức

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, CPTPP/TPP cũng tạo ra những thách thức không nhỏ.

Một là, tiêu chuẩn bảo hộ cao về SHTT trong CPTPP/TPP tạo ra thách thức lớn cho các cá nhân, doanh nghiệp Việt Nam trong việc tiếp cận các sản phẩm SHTT. Thời gian bảo hộ càng dài thì thời điểm sản phẩm SHTT đó trở thành tài sản SHTT công cộng càng xa, tiêu chuẩn bảo hộ càng cao thì phạm vi bảo hộ càng rộng và khả năng bảo hộ quyền SHTT cho chủ thể khác càng khó được

xác lập. Cá nhân, doanh nghiệp phải đầu tư nhiều hơn vào hoạt động ĐMST, đổi mới công nghệ, kiểu dáng sản phẩm, bao bì, nhãn sản phẩm hoặc phải mua quyền SHTT với giá cao. Điều này làm tăng chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của sản phẩm ngay trên thị trường Việt Nam và khó có thể xuất khẩu. Ngoài ra, việc tiếp cận và khai thác thông tin SHTT của cá nhân, doanh nghiệp còn nhiều hạn chế, các dịch vụ hỗ trợ khai thác quyền, khai thác và đánh giá thông tin SHTT chưa được đầy đủ và chuyên nghiệp cũng là rào cản để cá nhân, doanh nghiệp Việt Nam đổi mới và sáng tạo ra công nghệ mới hoặc ứng dụng công nghệ, sáng chế đã hết hạn.

Hai là, việc chống các hành vi vô hiệu hóa các biện pháp công nghệ hữu hiệu mà các tác giả, người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm sử dụng trong việc thực hiện các quyền của mình và hạn chế các hành vi không được cho phép đối với tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm đó và cấm sao chép trong bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào (kể cả dưới dạng điện tử) đã tạo độc quyền lớn nhất dành cho các tác giả, người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm. Điều này gây khó khăn trong việc tạo cân bằng thích hợp giữa hệ thống quyền tác giả và quyền liên quan, giữa người nắm quyền và người sử dụng (xã hội).

Ba là, cách thức/phương pháp/quy trình sử dụng mới của một sản phẩm đã được biết là đối tượng có thể cấp bằng độc quyền sáng chế. Trong trường hợp dược phẩm, cách thức sử dụng mới của một dược phẩm cũ được bảo hộ độc quyền mới trong trường

hợp chỉ thay đổi nhỏ hoặc thay đổi không lớn các thành phần trong dược phẩm đã có, không quan trọng là cách thức sử dụng mới đó có ảnh hưởng đến hiệu quả điều trị lâm sàng, đã làm cho sáng chế mới được bảo hộ dễ dàng hơn và việc bảo hộ này như một cách mà chủ sáng chế cũ đã hết thời hạn tự ân hận cho mình. Việc bảo hộ độc quyền cách thức sử dụng mới của một dược phẩm cũ làm giảm cạnh tranh trong việc sử dụng thuốc generic, gây khó khăn cho khả năng tiếp cận thuốc giá rẻ của người dân và thời hạn để sáng chế đó trở thành tài sản SHTT công cộng bị lùi xa. Bảo hộ dữ liệu thử nghiệm bí mật hoặc dữ liệu bí mật khác về sản phẩm dược cũng làm trì hoãn việc tiếp cận thị trường của các loại thuốc generic làm giá thuốc tăng cao. Đây cũng là thách thức đối với các nhà soạn thảo và ban hành pháp luật nhằm thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ sức khỏe và dinh dưỡng công cộng; các nhà quản lý và hoạch định chính sách trong việc tạo phúc lợi kinh tế - xã hội, và tạo ra cân bằng giữa quyền, nghĩa vụ của chủ thể quyền SHTT.

Bốn là, việc bảo hộ nhãn hiệu âm thanh (nhãn hiệu phi truyền thống - không nhìn thấy được) cũng là một rào cản đối với cơ quan xác lập quyền vì đây là đối tượng yêu cầu bảo hộ mới, cơ sở dữ liệu về nhãn hiệu âm thanh chưa được xây dựng, chưa có thẩm định viên được đào tạo để thẩm định đối tượng này, chưa có bộ tiêu chí xác định các dấu hiệu có thể được xem xét bảo hộ dưới dạng âm thanh.

Năm là, thực thi quyền SHTT bằng thủ tục và hình phạt hình sự, các hình phạt được áp dụng

bao gồm cả phạt tù cũng như phạt tiền phải tương ứng với mức hình phạt áp dụng cho các tội phạm có mức độ nghiêm trọng tương tự đã có nhiều hành vi xâm phạm quyền (chưa đến mức gây nguy hại lớn đối với xã hội) được quy định trước đây có thể xử phạt hành chính hoặc thực thi bằng thủ tục, chế tài dân sự nay sẽ là hành vi bị áp dụng thủ tục và hình phạt hình sự. Việc sửa đổi Luật SHTT và các bộ luật, luật liên quan (Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Hải quan, Luật Dược, Luật Công nghệ thông tin...) là một thách thức không nhỏ đối với các nhà soạn thảo ban hành pháp luật, nhất là các nghĩa vụ chưa có hoặc chưa quy định trong pháp luật Việt Nam.

Sáu là, nâng cao năng lực cơ quan xác lập quyền, cơ quan thực thi quyền SHTT, các tổ chức hỗ trợ liên quan đến SHTT cũng là một thách thức đối với các nhà quản lý và hoạch định chính sách. Việc minh bạch thông tin SHTT và hiện đại hóa quản trị hệ thống SHTT như: (i) Công khai cho công chúng tiếp cận thông tin về đơn sáng chế đã công bố và bằng độc quyền sáng chế, ít nhất là thông tin về kết quả tra cứu và thẩm định đơn; (ii) Xây dựng hệ thống điện tử đối với đơn đăng ký và duy trì nhãn hiệu, và hệ thống thông tin điện tử có thể truy cập (bao gồm cơ sở dữ liệu trực tuyến về đơn đăng ký nhãn hiệu và nhãn hiệu được bảo hộ) cũng là một thách thức lớn đối với Việt Nam.

Bảy là, nếu xây dựng hệ thống bảo hộ cao về SHTT sẽ làm tăng quyền và lợi ích của các chủ thể quyền SHTT, thúc đẩy các hoạt động đầu tư cho ĐMST, thúc

đẩy và thu hút chuyển giao công nghệ tiên tiến của nước ngoài vào Việt Nam, các sản phẩm mang quyền SHTT sẽ có chất lượng tốt hơn và được bán với giá cạnh tranh hơn hoặc thậm chí giá cao hơn. Trong lĩnh vực SHCN, nhất là sáng chế, khi mà phần lớn công nghệ mới, các sáng chế mới đến từ nước ngoài, theo đó hệ thống bảo hộ cao về SHTT thường có lợi cho các cá nhân, doanh nghiệp nước ngoài và bất lợi cho cá nhân, doanh nghiệp Việt Nam. Khả năng yêu cầu bảo hộ quyền SHTT mới sẽ khó hơn nên các doanh nghiệp, cá nhân trong nước khó được bảo hộ sáng chế, khó có khả năng độc quyền công nghệ mới, khó tiếp cận công nghệ mới, hoặc phải nhập mua công nghệ mới với chi phí cao, làm tăng chi phí sản xuất, giảm sức cạnh tranh của sản phẩm. Ngược lại, nếu xây dựng hệ thống bảo hộ thấp về SHTT thì số lượng đối tượng quyền SHTT có nguồn gốc Việt Nam dễ dàng được xác lập quyền hơn, các sản phẩm mới chứa đối tượng SHTT được bảo hộ dễ dàng ra đời và được bán với giá cạnh tranh hơn, người tiêu dùng phải chi trả ít hơn cho các sản phẩm công nghệ, tăng khả năng tiếp cận nguồn thuốc giá rẻ chất lượng của người dân. Hệ thống bảo hộ thấp về SHTT cũng sẽ làm độ tương đồng giữa các sản phẩm SHTT tăng cao, sự khác biệt về công nghệ, trình độ sáng tạo của các đối tượng SHTT được bảo hộ của các chủ thể khác nhau không lớn. Điều này làm giảm lợi ích của chủ thể quyền, giảm hoạt động đầu tư cho ĐMST, giảm hoạt động chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, đặc biệt làm giảm tính đột phá trong cải tạo,

đổi mới công nghệ, nhất là công nghệ nội sinh. Do đó, ngoài việc tuân thủ các thỏa thuận đã cam kết thì việc tiếp cận quan điểm nhằm xây dựng hệ thống bảo hộ SHTT phù hợp cũng là một thách thức lớn.

Một số kiến nghị

Với nhận thức quyền SHTT là công cụ để phát triển kinh tế - xã hội, qua đánh giá các cơ hội và thách thức về SHTT đối với Việt Nam trong quá trình tham gia các FTA thế hệ mới, chúng tôi có một số kiến nghị sau:

Thứ nhất, cải cách hệ thống pháp luật về SHTT theo hướng hiện đại, đồng bộ, tuân thủ chủ trương về cải cách thủ tục hành chính, đáp ứng các chuẩn mực, cam kết quốc tế trên cơ sở xây dựng hệ thống bảo hộ SHTT phù hợp, vừa sử dụng SHTT như là công cụ để thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, khuyến khích hoạt động ĐMST, vừa hài hòa cân bằng lợi ích giữa chủ thể quyền và lợi ích cộng đồng. Việc tiếp cận theo hệ thống bảo hộ SHTT phù hợp cần xuyên suốt, thống nhất từ việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới SHTT đến việc thực hiện xác lập quyền, thực thi quyền SHTT của các cơ quan, tổ chức liên quan. Đồng thời, xây dựng các phương án đàm phán, lập trường của Việt Nam liên quan đến SHCN trong các FTA mà Việt Nam đang tiến hành, xây dựng lộ trình và thời hạn thực hiện cam kết về SHTT sao cho phù hợp với điều kiện hiện tại của Việt Nam.

Thứ hai, cần sớm phê duyệt và triển khai thực hiện chiến lược quốc gia về SHTT. Chiến

lược này sẽ cho phép Việt Nam sử dụng các nguồn lực xã hội tối ưu và hiệu quả trong việc thúc đẩy ĐMST, tăng và khai thác TSTT, đồng thời đảm bảo hệ thống SHTT có vai trò quan trọng, không thể thiếu trong mô hình tăng trưởng mới, đóng góp vào các chiến lược, chính sách và mục tiêu phát triển tổng thể của đất nước. Xây dựng chiến lược quốc gia về SHTT cần quá trình chuẩn bị khoa học và thực tiễn, đòi hỏi nhiều chủ thể trong xã hội tham gia, nhất là các chủ thể thụ hưởng từ chiến lược, chính sách, chương trình về SHTT và cần chú ý các nội dung sau: i) Xác định rõ mục tiêu của chiến lược quốc gia về SHTT phải là hỗ trợ việc hiện thực hóa tầm nhìn của Việt Nam trong tương lai là phát triển phát triển kinh tế - xã hội dựa vào khoa học và công nghệ, nhất là ưu tiên phát triển công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo; tạo môi trường nhằm khuyến khích việc sử dụng TSTT một cách có chiến lược để phát triển kinh tế - xã hội; ii) Phải gắn với các chính sách công khác; gắn với chiến lược phát triển kinh tế quốc gia, nhất là một số lĩnh vực kinh tế (nông nghiệp, công nghệ thông tin và truyền thông, năng lượng...) và xã hội (giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, môi trường); xây dựng cơ chế phối hợp và tạo sự kết nối với các chiến lược khác; đánh giá nhu cầu trong các lĩnh vực ưu tiên; iii) Xây dựng chiến lược quốc gia về SHTT gắn với kế hoạch hành động với các mục tiêu cụ thể.

Thứ ba, rà soát, sửa đổi Luật SHTT và các văn bản dưới luật nhằm tạo sự thống nhất, phù hợp với tiêu chuẩn mới về SHTT. Việc sửa đổi Luật SHTT, nhất là phần

xử lý vi phạm bằng thủ tục và hình phạt hình sự phải tiến hành đồng bộ với các bộ luật, luật liên quan: Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Hải quan, Luật Dược, Luật Công nghệ thông tin và các văn bản dưới luật khác; phải đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, tính khả thi, tiết kiệm, dễ tiếp cận, dễ thực hiện, đảm bảo sự công bằng, hài hòa lợi ích cho các chủ thể quyền SHTT với lợi ích cộng đồng, không làm cản trở việc thực hiện các cam kết quốc tế về SHTT mà Việt Nam đã ký kết; đảm bảo công khai, minh bạch khi sửa đổi, hủy bỏ, bổ sung, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về SHTT.

Thứ tư, thực hiện các chính sách kinh tế, xã hội chống tác động tiêu cực của chế độ bảo hộ SHCN mới như: chính sách y tế phải bảo đảm khả năng tiếp cận thuốc với giá cả hợp lý cho toàn dân; chính sách về nhập khẩu song song, nhất là trong việc tiếp cận các nguồn thuốc giá rẻ, và giảm sự độc quyền của các công ty nước ngoài sản xuất thuốc; chính sách thúc đẩy, hỗ trợ việc xác lập quyền đối với chỉ dẫn địa lý trong nước, hỗ trợ việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của Việt Nam ở nước ngoài...

Thứ năm, nâng cao năng lực của bộ máy cơ quan quản lý nhà nước về SHTT, xây dựng Cục SHTT trở thành một tổ chức đi đầu trong hệ thống SHTT, hoạt động xác lập quyền SHCN phải có chất lượng và đúng thời hạn; nâng cao năng lực của các cơ quan thực thi, xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan thực thi trong việc xử lý xâm phạm, tranh chấp quyền SHTT; xây dựng tòa chuyên trách về SHTT,

tăng cường vai trò của tòa án trong việc xử lý tranh chấp, xâm phạm quyền SHTT.

Thứ sáu, phát triển hệ thống hỗ trợ các hoạt động SHTT, nâng cao vai trò và năng lực của tổ chức dịch vụ đại diện SHTT, tổ chức giám định, đánh giá TSTT, dịch vụ định giá TSTT; nâng cao vai trò của các hiệp hội; cung cấp dịch vụ thẩm định nhanh đơn SHCN theo nhu cầu của người nộp đơn, dịch vụ tra cứu SHCN phục vụ nghiên cứu, đào tạo và triển khai; xây dựng, thành lập các cơ sở nghiên cứu về SHCN, các cơ sở đánh giá và khai thác thông tin sáng chế.

Thứ bảy, hoàn thiện thư viện số về SHTT, cập nhật kịp thời dữ liệu SHTT; thiết lập, duy trì, cập nhật mạng thông tin quốc gia về SHTT, nhất là mạng thông tin quốc gia về SHCN; xây dựng các công cụ tra cứu về SHCN; ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào hoạt động thu thập, xử lý, tổng hợp, công bố thông tin, xây dựng ngân hàng dữ liệu thống kê về SHTT.

Thứ tám, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực SHTT, nhất là với các nước có hệ thống SHTT phát triển để tiếp cận và hoàn thiện hệ thống pháp luật về SHTT, hoàn thiện cơ quan xác lập quyền SHTT, cơ quan thực thi, đào tạo nhân lực chuyên môn cao về SHTT, đồng thời hợp tác xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, đáp ứng được yêu cầu mới ☞